

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2021
V/v kiện xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Long

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Văn Thịnh;

2. Ông Nguyễn Ngọc Ngu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Miên – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2021/TLST - HNGĐ, ngày 22/7/2021 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1975 (có mặt)

Bị đơn: Anh Phương Văn D1, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Xóm Đ, xã Y, huyện P, tỉnh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng A (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T1, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Hồng H, chức vụ: Giám đốc chi nhánh huyện P.

Người được ủy quyền lại: Ông Long Khánh H2, chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch – kinh doanh chi nhánh huyện P, theo giấy ủy quyền số 236 ngày 26/7/2021.

NỘI D VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn là Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1993, tôi và anh D1 được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và về chung sống với nhau, không đăng ký kết hôn. Trước khi cưới có được tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, không bị ai lừa dối, cưỡng ép. Sau khi cưới, chúng tôi về chung sống với nhau ở xóm Đ4 (nay xóm Đ), xã Y, huyện P, tỉnh T. Chúng tôi chung sống hạnh phúc với nhau được 03

năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh D1 có quan hệ ngoại tình với người khác, uống rượu say thường xuyên chửi bới, đánh vợ. Chúng tôi sống ly thân với nhau từ ngày 15/02/2021 đến nay. Xác định đã hết tình cảm với anh D1 nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh D1.

Về con chung: Hai anh chị có 03 con chung là Phương Thị O, sinh ngày 02/6/1995, Phương Thị Y1, sinh ngày 25/7/1997 và Phương Ngọc C, sinh ngày 05/10/2004. Hai con lớn đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Phương Ngọc C và không yêu cầu anh D1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hiện tại còn vay của Ngân hàng A số tiền 100.000.000 đồng. Tôi nhận trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng, không yêu cầu anh D1 phải cùng có trách nhiệm trả.

Tại phiên tòa bị đơn là anh Phương Văn D1 trình bày: Tôi nhất trí với lời khai của chị D về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tôi cũng xác định tôi và chị D không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 1993. Từ năm 1994 – 1995 thì mâu thuẫn xảy ra nhiều, khoảng mấy năm trở lại đây thì mâu thuẫn xảy ra ít vì con đã lớn, mỗi người một việc, ít liên quan đến nhau. Tôi xác định vẫn còn tình cảm với chị D, muốn vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau để cùng làm ăn.

Về con chung: Trường hợp chị D kiên quyết ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Phương Ngọc C, sinh ngày 05/10/2004 sau khi ly hôn và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Tôi thừa nhận có vay Ngân hàng A số tiền 100.000.000 đồng. Tôi đồng ý với việc chị D nhận trách nhiệm trả nợ Ngân hàng khi đến hạn, tôi không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi liên quan trình bày: Tại Hợp đồng tín dụng số 8503-LAV-202101847, anh Phương Văn D1 và chị Nguyễn Thị D có vay vốn của Ngân hàng A số tiền 90.000.000 đồng, hạn trả cuối cùng ngày 03/6/2024. Tại Hợp đồng tín dụng số 8503-LAV-202102714, chị D tiếp tục vay Ngân hàng A số tiền 10.000.000 đồng, hạn trả nợ 12 tháng kể từ ngày 09/8/2021. Nay chị D và anh D1 yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ngân hàng A không yêu cầu khởi kiện độc lập đối với số tiền nợ chung của hai anh chị. Đại diện ngân hàng A nhất trí với việc chị D nhận trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên và tiền lãi phát sinh khi đến hạn.

Tại phiên tòa, chị D vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh D1. Do chị D và anh D1 không đăng ký kết hôn nên Tòa án không tiến hành hòa giải cho các bên đoàn tụ hoặc thuận tình ly hôn, vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về trình tự, thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về nội D vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 14, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia

đình; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị D và anh Phương Văn D1. Giao con chung là Phương Ngọc Ánh, sinh ngày 05/10/2004 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh D1 do chị D không yêu cầu. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về giải quyết nợ chung; tài sản chung: Không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D và bị đơn là anh Phương Văn D1 (cùng địa chỉ tại xóm Đ, xã Y, huyện P, tỉnh T). Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Phương Văn D1 về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống, giữa hai anh chị xảy ra xô xát, cãi vã lẫn nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Thực tế hai anh chị đã không sống chung với nhau từ đầu năm 2021 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Chị D và anh D1 không đăng ký kết hôn nên quan hệ giữa chị D và anh D1 không được pháp luật thừa nhận là quan hệ vợ chồng. Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật Hôn nhân gia đình, Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị D và Phương Văn D1 là phù hợp.

Điểm b mục 3 Nghị quyết số 35 quy định như sau: *“Nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng lý kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.*

Sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”.

[3] Con chung: Chị D và anh D1 có 03 con chung là Phương Thị O, sinh ngày 02/6/1995, Phương Thị Y1, sinh ngày 25/7/1997 và Phương Ngọc C, sinh ngày 05/10/2004. Hai con lớn đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Chị D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Phương Ngọc C, cháu C có đơn trình bày nguyện vọng muốn ở với mẹ. Do vậy, giao con chung là Phương Ngọc C cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị D không yêu cầu anh D1 cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị D và anh D1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Hai anh chị đều xác nhận có vay nợ của Ngân hàng A số tiền 100.000.000 đồng. Quá trình giải quyết, các đương sự thống nhất chị D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh khi đến hạn theo hợp đồng. Do vậy, cần ghi nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[6] Về án phí: chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[8] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên là phù hợp, có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 14, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật Hôn nhân gia đình; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị D và anh Phương Văn D1.

2. Về con chung: Giao cháu Phương Ngọc C, sinh ngày 05/10/2004 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh D1 do chị D không yêu cầu. Anh D1 được quyền đi lại thăm con chung không bị ai cản trở.

3. Về nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, chị D có trách nhiệm trả cho ngân hàng A bộ nợ gốc và lãi phát sinh khi đến hạn theo hợp đồng.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008087 ngày 22/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn, vắng mặt người có quyền lợi liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đối với người có mặt, 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai đối với người vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Lương;
- Chi cục THADS Phú Lương;
- Các Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lương Đức Long

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Đức Long

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hồng Khánh